TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀNG MAI** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/04/2018
V/v tranh chấp: **Ly hôn**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Diệu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan
2. Bà Trần Thị Minh

Thư ký phiên toà: ông Nguyễn Hữu Bảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 04 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàng Mai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 148/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 04 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Mai H, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Số 36, ngách 35, ngõ 4, phố P, phường P, quận Đ, Hà Nội - Có mặt

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1979; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 36, ngách 35, ngõ 4, phố P, phường P, quận Đ, Hà Nội; Tạm trú: Phòng 713, A4, Chung cư Đ, phường H, quận H, Hà Nội - Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 02 năm 2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - chị Nguyễn Mai H trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Đình T ngày 25/05/2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận Đ, Hà Nội. Đây là lần kết hôn thứ nhất của chị. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số 36, ngách 35, ngõ 4,

phố P, phường P, quận Đ, Hà Nội đến tháng 4/2015 thì chuyển về địa chỉ phòng 713, A4, Chung cư Đ, phường H, quận H, Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có sự chia sẻ, thông cảm với nhau trong cuộc sống. Ngoài ra, anh T không có trách nhiệm với gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên sảy ra va chạm, to tiếng. Hai bên gia đình, tổ dân phố đã hòa giải và bản thân anh chị đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Từ tháng 11/2017 đến nay, chị về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân. Nay chị xin ly hôn anh T vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Gia B - sinh ngày 29/05/2006 và Nguyễn Quỳnh C - sinh ngày 05/09/2012. Nếu vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị là nhân viên công tác tại Tổng công ty H, mức thu nhập trung bình là 18.000.000 đồng/ tháng. Nếu được nuôi con, chị và các con sẽ ở tại nhà bố mẹ đẻ của chị tại số 36, ngách 35, ngõ 4, phố P, phường P, quận Đ, Hà Nội

Về tài sản chung (động sản + bất động sản) và các khoản nợ chung: Chị và anh T không có tài sản, nhà đất và khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Đình T trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống nhưng về thời điểm mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn anh không nhất trí. Theo anh, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H có quan hệ với người khác làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Vì các con, anh đã bỏ qua nhưng chị H không thay đổi. Hai bên gia đình, tổ dân phố hòa giải, khuyên can nhưng không có kết quả. Từ tháng 12/2017, chị H tự ý bỏ nhà đi, không quan tâm, chăm sóc hai con. Anh và chị H sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay chị H xin ly hôn anh, anh nhất trí ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị H trình bày. Nếu vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi một con chung là cháu Nguyễn Gia B và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, anh là Công an, thu nhập trung bình khoảng 12.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh và chị H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về bất động sản chung: Anh chị không có nhà đất chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Chị Nguyễn Mai H trình bày:* Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh T vì xác định tình cảm vợ chồng không còn; Về con chung: Chị H giữ nguyên nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản, nhà đất và các khoản nợ chung: Chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Anh Nguyễn Đình T trình bày:* Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn; Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị H trình bày. Anh có nguyện vọng nuôi 01 con chung là cháu Nguyễn Gia B và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản, nhà đất và các khoản nợ chung, anh xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Hoàng Mai có quan điểm*:**

- *Về việc tuân theo Pháp luật của thẩm phán, của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng:* Ngày 01/03/2018, Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai thụ lý đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Mai H đối với anh Nguyễn Đình T là đúng quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Ngày 01/03/2018, Tòa án quận Hoàng Mai tiến hành thụ lý vụ án, đến ngày 09/04/2018, Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Như vậy, Tòa án đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của thẩm phán, thư ký quy định tại điều 48, điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo Pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên, bị đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, bị đơn quy định tại Điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự;

- *Về việc giải quyết vụ án:* Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 55, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Nguyễn Mai H được ly hôn anh Nguyễn Đình T; Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cả hai con chung của anh chị là Nguyễn Gia B - sinh ngày 29/05/2006 và Nguyễn Quỳnh C - sinh ngày 05/09/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh T đến khi chị H có yêu cầu; Về tài sản chung, nhà đất chung và các khoản nợ chung: Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn - chị Nguyễn Mai H có đơn xin ly hôn đối với anh Nguyễn Đình T (cư trú tại: Phòng 713, A4, Chung cư Đ, phường H, quận H, Hà Nội). Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

[2] Về nội dung:

Chị Nguyễn Mai H và anh Nguyễn Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận Đ, Hà Nội theo giấy chứng nhận kết hôn số 101(quyển số 1) ngày 25/05/2005. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Ngoài ra, theo anh T, do chị H có quan hệ với người khác dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, anh đã vì gia đình bỏ qua nhưng chị H không thay đổi. Từ tháng 11/2017 đến nay, chị H về nhà bố mẹ đẻ ở, anh chị sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng của mình. Nay chị H xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn. Cả anh và chị đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn. Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của chị H, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, việc giải quyết cho anh chị ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Gia B - sinh ngày 29/05/2006 và Nguyễn Quỳnh C - sinh ngày 05/09/2012. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Gia B, để chị H nuôi cháu Nguyễn Quỳnh C, về cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu. Xét về điều kiện nuôi con, cả anh T và chị H đều có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, có thể đảm bảo các điều kiện về vật chất và tinh thần cho con. Tuy nhiên, xét về thu nhập thực tế, chị H có thu nhập cao hơn anh T, lại được gia đình tạo điều kiện có chỗ ở ổn định để nuôi con trong khi anh T phải đi thuê nhà, nơi ở không cố định. Do đó, nếu giao cả hai con cho chị H nuôi dưỡng, giáo dục sẽ bảo đảm điều kiện sống tốt hơn cho các cháu. Hơn nữa, cháu B lại có lời khai xin được ở với mẹ nên cũng cần tôn trọng nguyện vọng của cháu. Vì lẽ đó, Hội đồng xét xử thấy nên giao cả hai con chung của anh chị cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh T đến khi chị H có yêu

cầu. Anh T có quyền nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung (động sản + bất động sản) và các khoản nợ chung:

Về động sản chung: Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về bất động sản và các khoản nợ chung: Anh chị xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; điểm 1.1 Khoản 1 Mục II Danh mục mức án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Điểm 1.1 Khoản 1 Mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/UBTVQH14;

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Mai H đối với anh Nguyễn Đình T

Chị Nguyễn Mai H được ly hôn anh Nguyễn Đình T

Về con chung: Giao cả hai con chung của anh chị là Nguyễn Gia B - sinh ngày 29/05/2006 và Nguyễn Quỳnh C - sinh ngày 05/09/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh T đến khi chị H có yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung *(gồm động sản + bất động sản)* và các khoản nợ chung*:*

Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Mai H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo Biên lai tu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009457 ngày 01/03/2018 của Chi cục

Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Diệu Thúy

Nơi nhận :
- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Hoàng Mai
- VKSND T.P Hà Nội
- TAND T.P Hà Nội
- Chi cục THADS quận Hoàng Mai
- Lưu hồ sơ vụ án